|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số: 03/KTTT** (Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính) |
| TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH**  ------------------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------------------** |
| Số: ................................ | *............, ngày.......... tháng ........ năm ......* |

**QUYẾT ĐỊNH  
Về việc kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế tại ....(tên người nộp thuế).............**

**CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu là cuộc thanh tra);

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số ........... ngày .../.../... của ..................... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số ............. ngày .../.../... của....... phê duyệt Kế hoạch ......; (nếu là cuộc kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch)

Hoặc:

Căn cứ chỉ đạo của ................... ngày .../.../... về việc ....; (nếu là cuộc kiểm tra, thanh tra đột xuất)

Xét đề nghị của .........................................................................................;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế tại ...............(tên người nộp thuế).........., Mã số thuế: .............................. về các nội dung sau:

- ..............................................................................................................................

- ..............................................................................................................................

Thời kỳ kiểm tra (hoặc thanh tra):

**Điều 2:** Thành lập Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) để thực hiện nhiệm vụ ghi tại Điều 1 gồm có:

- Ông (bà)...................................... - Chức vụ................................ - Trưởng đoàn;

- Ông (bà)...................................... - Chức vụ................................ - Thành viên;

- Ông (bà)...................................... - Chức vụ................................ - Thành viên;

- Ông (bà)...................................... - Chức vụ................................. - .......................................

Thời hạn kiểm tra (hoặc thanh tra) là ......ngày làm việc, kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra (hoặc thanh tra).

Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 80 (hoặc Điều 85) của Luật Quản lý thuế.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức được kiểm tra (hoặc thanh tra) có tên tại Điều 1 và Đoàn kiểm tra (hoặc thanh tra) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  - Như Điều 3;  - .................................  - Lưu: VT; Bộ phận kiểm tra (hoặc thanh tra). | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KÝ QUYẾT ĐỊNH** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |